



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Flower Tower, Số 48 đường Lê Văn Lương
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 19



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Flower Tower, Số 48 đường Lê Văn Lương
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Hiệp	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2025)
Ông Hoàng Việt	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2025)
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên
Bà Lê Tuyết Mai	Thành viên

Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Giám đốc
----------------------	----------

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024)
Ông Trần Đức Hiệp	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024)
Ông Lê Văn Huy	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Flower Tower, Số 48 đường Lê Văn Lương

Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Trần Đức Hiệp
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 22 tháng 3 năm 2025

Số: 0729 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 19 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 06 tháng 3 năm 2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Hoàng Lan Hương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0898-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 22 tháng 3 năm 2025
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đình Văn Điền
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5668-2023-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.526.644.682	11.108.141.421
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.584.764.211	3.391.407.676
1. Tiền	111		2.680.896.185	41.407.676
2. Các khoản tương đương tiền	112		903.868.026	3.350.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	7.303.107.526	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.316.709.328	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(13.601.802)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		620.348.251	7.699.094.068
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	4.522.144.315
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	1.165.668.836
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	223.055.963
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	620.348.251	2.012.825.754
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(224.600.800)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.424.694	17.639.677
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.700.000	7.700.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.930.350	7.145.333
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8	2.794.344	2.794.344
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.250.000.000	5.000.000.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.250.000.000	5.000.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	5.250.000.000	5.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		16.776.644.682	16.108.141.421

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.548.737.107	4.949.270.351
I. Nợ ngắn hạn	310		2.548.737.107	4.949.270.351
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	3.041.423.511
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	9	1.301.389.617	1.588.007.754
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8	571.279.926	4.834.602
4. Phải trả người lao động	314		6.996.052	15.497.820
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10	663.846.250	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		5.225.262	299.506.664
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.227.907.575	11.158.871.070
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	14.227.907.575	11.158.871.070
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lỗ lũy kế	421		(5.918.959.013)	(8.987.995.518)
- Lỗ lũy kế	421a		(8.987.995.518)	(9.732.088.249)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.069.036.505	744.092.731
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		16.776.644.682	16.108.141.421



Kiều Anh Tuyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Trần Đức Hiệp
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 22 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số liệu	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	13	5.833.760.977	5.378.843.597
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13	901.897.600	1.022.081.759
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	13	4.931.863.377	4.356.761.838
4. Giá vốn hàng bán	11	14	4.879.745.505	4.309.090.610
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		52.117.872	47.671.228
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	1.666.002.410	1.029.650.272
7. Chi phí tài chính	22	16	690.950.274	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64.271.605	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	622.315.177	330.420.907
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		404.854.831	746.900.593
10. Thu nhập khác	31	18	3.276.194.347	-
11. Chi phí khác	32		41.008.477	2.807.862
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		3.235.185.870	(2.807.862)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.640.040.701	744.092.731
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	571.004.196	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.069.036.505	744.092.731
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	1.535	372

Kiều Anh Tuyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Trần Đức Hiệp
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 22 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.640.040.701	744.092.731
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Các khoản dự phòng	03	13.601.802	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(529.768.593)	(1.029.650.272)
Chi phí lãi vay	06	64.271.605	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.188.145.515	(285.557.541)
Thay đổi các khoản phải thu	09	7.348.328.297	(5.688.407.188)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.971.537.440)	(2.959.794.044)
Thay đổi chi phí trả trước	12	-	(7.700.000)
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	(2.316.709.328)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(64.271.605)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.183.955.439	(8.941.458.773)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.250.000.000)	(5.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	15.800.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	259.401.096	1.451.936.847
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.990.598.904)	12.251.936.847
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	193.356.535	3.310.478.074
Tiền và tương đương đầu năm	60	3.391.407.676	80.929.602
Tiền và tương đương cuối năm (70=50+60)	70	3.584.764.211	3.391.407.676

Kiều Anh Tuyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Trần Đức Hiệp
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 22 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102403985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 17 được cấp ngày 20 tháng 02 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch HNX từ ngày 21 tháng 9 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn và bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; tư vấn quản lý;
- Vận tải hàng hóa; bốc xếp kho bãi lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sở hữu đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai khoáng, khai thác quặng sắt, quặng kim loại khác;
- Bán buôn nhiên liệu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác, hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà; xây dựng công trình đường, điện, cấp thoát nước, công trình công ích khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ xe;
- Cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị, tài sản vô hình phi tài chính.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là đầu tư tài chính và bán buôn vật liệu xây dựng.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính của Công ty

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 03 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	-	14.482
Tiền gửi thanh toán tại ngân hàng, công ty chứng khoán	2.141.049.935	41.393.194
Tiền đang chuyển	539.846.250	-
Các khoản tương đương tiền (i)	903.868.026	3.350.000.000
	3.584.764.211	3.391.407.676

- (i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đông Đô với lãi suất 1,9%/năm (tại 31 tháng 12 năm 2023: 2,1%/năm).

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Mã cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm		
		Giá gốc	Dự phòng	VND Giá trị hợp lý	VND Giá trị hợp lý	
a. Chứng khoán kinh doanh						
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB	723.303.755	-	753.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	TCB	488.718.750	-	493.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIETCAP	VCI	339.346.250	(7.346.250)	332.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TPBank	TPB	322.805.000	-	333.000.000	-	-
CTCP Chứng khoán SSI	SSI	266.755.552	(6.255.552)	260.500.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển HDB Thành phố Hồ Chí Minh		175.780.021	-	193.800.000	-	-
		2.316.709.328	(13.601.802)	2.365.300.000	-	-

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán nơi cổ phiếu được giao dịch tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

- (i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đông Đô với lãi suất 4,8%/năm.

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cho vay dài hạn		
Bà Hoàng Như Dương (i)	5.250.000.000	-
Ông Hoàng Việt	-	5.000.000.000
	5.250.000.000	5.000.000.000

Trong đó

Phải thu về cho vay các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 21)	-	5.000.000.000
---	---	---------------

- (i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 phản ánh khoản phải thu về cho vay ngắn hạn theo hợp đồng số 2308/2024/HĐVV-PPE ngày 23 tháng 8 năm 2024 với bà Hoàng Như Dương có lãi suất 11,5%, kỳ hạn 36 tháng. Toàn bộ khoản vay và lãi vay được ông Hoàng Việt - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh bằng tài sản cá nhân là toàn bộ căn hộ 3810 Tòa B, chung cư cao cấp Viglacera – Thăng Long No 1, số 285 Khuất Duy Tiến, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Ngày 28 tháng 02 năm 2025, Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản cho vay này.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu tiền chuyển nhượng chứng khoán	337.155.000	-
Lãi dự thu tiền gửi và cho vay	283.193.251	12.825.754
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.000.000.000
	620.348.251	2.012.825.754

Trong đó:

Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 21)	-	12.054.795
--	---	------------

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp		Số đã thực nộp	
	Số đầu năm VND	trong năm VND	trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.794.344	-	-	2.794.344
	2.794.344	-	-	2.794.344
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	571.004.196	-	571.004.196
Thuế thu nhập cá nhân	4.834.602	(3.599.014)	959.858	275.730
Thuế khác	-	3.603.907	3.603.907	-
	4.834.602	571.009.089	4.563.765	571.279.926

9. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.218.261.442	1.422.555.556
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	50.128.175	132.452.198
Ban Điều hành các dự án của PVC Tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000
	1.301.389.617	1.588.007.754

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chứng khoán chờ thanh toán	539.846.250	-
Chi phí kiểm toán	94.000.000	-
Chi phí phải trả khác	30.000.000	-
	663.846.250	-

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ) lũy kế VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	146.866.588	(9.732.088.249)	10.414.778.339
Lợi nhuận trong năm	-	-	744.092.731	744.092.731
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	146.866.588	(8.987.995.518)	11.158.871.070
Lợi nhuận trong năm	-	-	3.069.036.505	3.069.036.505
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	146.866.588	(5.918.959.013)	14.227.907.575

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được các chủ sở hữu góp đủ.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

12. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là đầu tư tài chính và bán buôn vật liệu xây dựng. Doanh thu phát sinh liên quan đến từng hoạt động được trình bày riêng biệt trên Doanh thu hoạt động tài chính (Thuyết minh số 15) và Doanh thu bán hàng (Thuyết minh số 13). Theo đó, Công ty không trình bày riêng báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam, do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

13. DOANH THU BÁN HÀNG

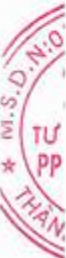
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.833.760.977	5.378.843.597
	5.833.760.977	5.378.843.597
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	901.897.600	1.022.081.759
	901.897.600	1.022.081.759
Doanh thu thuần về bán hàng	4.931.863.377	4.356.761.838

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán	4.879.745.505	4.309.090.610
	4.879.745.505	4.309.090.610

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.049.966.639	-
Lãi cho vay, tiền gửi	616.035.771	1.029.650.272
	1.666.002.410	1.029.650.272



16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ kinh doanh chứng khoán	612.447.622	-
Chi phí lãi vay	64.271.605	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	13.601.802	-
Khác	629.245	-
	690.950.274	-

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	256.861.747	237.824.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.453.430	89.596.437
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.000.000	3.000.000
	622.315.177	330.420.907

18. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công nợ không còn phải thanh toán	3.258.190.112	-
Khác	18.004.235	-
	3.276.194.347	-

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	3.640.040.701	744.092.731
<i>Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(109.500.000)</i>	<i>-</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.965.277</i>	<i>3.807.862</i>
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>(677.484.999)</i>	<i>(747.900.593)</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.855.020.979	-
<i>Thuế suất (%)</i>	<i>20</i>	<i>20</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	571.004.196	-

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.069.036.505	744.092.731
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.069.036.505	744.092.731
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.535	372

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng. Việc trích lập quỹ sẽ phụ thuộc vào việc phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông và sẽ được điều chỉnh sau khi có nghị quyết phê duyệt (nếu có).

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Danh sách bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Hoàng Việt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi cho vay Ông Hoàng Việt	246.575.342	12.054.795
Cho vay trong năm Ông Hoàng Việt	-	5.000.000.000
Thu hồi khoản vay Ông Hoàng Việt	5.000.000.000	-
Thu hồi lãi vay Ông Hoàng Việt	258.630.137	-



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn	-	5.000.000.000
Ông Hoàng Việt	-	5.000.000.000
Lãi dự thu cho vay	-	12.054.795
Ông Hoàng Việt	-	12.054.795

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ông Hoàng Việt	81.711.000	9.079.000
Ông Nguyễn Bách Bảo Vinh	-	50.000.004
	81.711.000	59.079.004

Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty không nhận thu nhập trong năm từ Công ty.

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾT TOÁN

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch đầu tư, nhận chuyển nhượng cổ phần tại các doanh nghiệp khác và giao dịch vay tài sản để huy động vốn. Ngày 28 tháng 02 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua các dự thảo hợp đồng vay vốn và hợp đồng nhận chuyển nhượng cổ phần tại hai công ty. Theo đó, Công ty đã ký kết các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn số 01.03/2025/HĐVV-PPE ngày 01 tháng 3 năm 2025 với Ông Trương Xuân Bình với hạn mức vay tối đa 35 tỷ VND, lãi suất 5,5%/năm, thời hạn vay 36 tháng để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Công ty. Ngày 14 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận 4.298.581.000 VND theo hợp đồng vay vốn này.
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2025/HĐCNCP-PPE-HYHD ngày 01 tháng 3 năm 2025 với Ông Bùi Minh Lực để mua lại 2.400.000 cổ phần (tương ứng 40% vốn điều lệ) sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hòa Bình Minh. Giao dịch chuyển nhượng hoàn thành ngày 03 tháng 3 năm 2025, theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hòa Bình Minh trở thành công ty liên kết của Công ty từ ngày này.
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2025/HĐCNCP-PPE-HYVT ngày 01 tháng 3 năm 2025 với Ông Bùi Minh Lực để mua lại 1.520.000 cổ phần (tương ứng 40% vốn điều lệ) sở hữu tại Công ty Cổ phần TM Hòa Bình Minh. Giao dịch chuyển nhượng hoàn thành ngày 03 tháng 3 năm 2025, theo đó, Công ty Cổ phần TM Hòa Bình Minh trở thành công ty liên kết của Công ty từ ngày này.

Kiều Anh Tuyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Trần Đức Hiệp
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 22 tháng 3 năm 2025